

**BUỔI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC – TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP****CHƯƠNG IV. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****I. TỔNG QUAN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****1. Nêu khái niệm, đặc điểm, vai trò của NSNN?**

- Khái niệm: NSNN là một khâu của hệ thống tài chính quốc gia, nó phản ánh quan hệ TC phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước, trên cơ sở luật định.

- Đặc điểm:

- + Việc tạo lập và sử dụng quỹ NSNN luôn gắn với quyền lực của Nhà nước và được tiến hành trên cơ sở luật định.
- + NSNN luôn gắn chặt với sở hữu Nhà nước, luôn chứa đựng lợi ích chung, lợi ích công cộng.
- + Hoạt động thu, chi NSNN thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.

- Vai trò:

- + NSNN là công cụ tài chính quan trọng nhất đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của bộ máy nhà nước
- + NSNN là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện điều tiết nền kinh tế
- + NSNN là công cụ hữu hiệu của Nhà nước để thực hiện công bằng xã hội

**2. Tại sao trong nền kinh tế thị trường hiện đại, NSNN lại không thể trung lập được?**

NSNN giữ vai trò trung lập khi nó chỉ thực hiện việc huy động nguồn tài chính và sử dụng cho các hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, NSNN sẽ là 1 công cụ hữu hiệu để nhà nước điều chỉnh chính sách tiền tệ, tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, ổn định kinh tế, xã hội.

**3. Đặc điểm nào giúp phân biệt Ngân sách Nhà nước với Tín dụng? (Cô Lan)**

<b>Ngân sách nhà nước</b>	<b>Tín dụng</b>
Việc tạo lập và sử dụng quỹ NSNN luôn gắn với quyền lực của Nhà nước và được tiến hành trên cơ sở luật định.	Gắn liền với mục đích của chủ sở hữu nhằm cung cấp hoạt động cho vay
NSNN luôn gắn chặt với sở hữu Nhà nước, luôn chứa đựng lợi ích chung, lợi ích công cộng.	Tín dụng nhằm mục đích kinh doanh, phát sinh lợi nhuận cho chủ sở hữu
Hoạt động thu, chi NSNN thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.	Theo nguyên tắc hoàn trả trực tiếp
Công cụ: Thuế, phí, lệ phí	Công cụ: Thương phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi

**II. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****4. Các khoản thu và các nhân tố ảnh hưởng đến thu NSNN?**

- Các khoản thu NSNN

+ Thuế - Khoản thu chủ yếu của NSNN

+ Khoản thu từ phí và lệ phí

+ Khoản thu từ vay nợ của Chính phủ

+ Viện trợ quốc tế

- Các nhân tố ảnh hưởng đến thu NSNN:

+ Thu nhập GDP bình quân đầu người

+ Tỷ suất lợi nhuận bình quân trong nền kinh tế

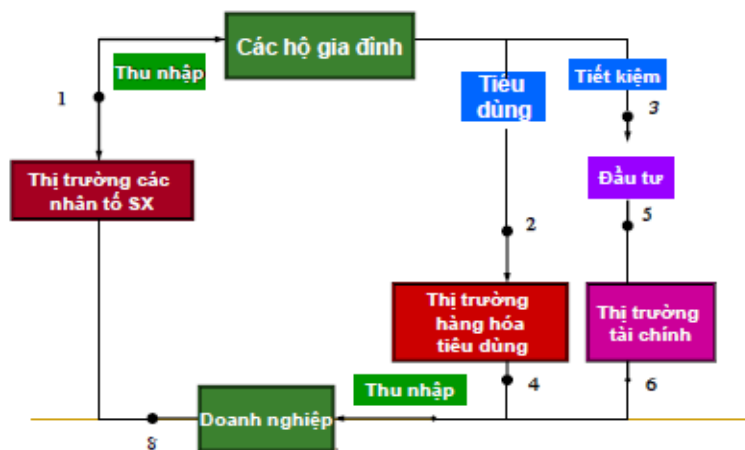
+ Tiềm năng đất nước về tài nguyên thiên nhiên

+ Nhu cầu chi tiêu của Nhà nước

+ Hiệu quả của bộ máy thu nộp

**5. Hệ thống thuế là tổng hợp các hình thức thuế khác nhau nhưng có mối liên hệ mật thiết và tác động lẫn nhau nhằm thực hiện các chức năng của thuế. Tại sao?**

Mối liên hệ của thuế thể hiện trong sự luân chuyển thu nhập:



### 6. Tính công bằng trong tiêu thức xây dựng thuế hiện đại được hiểu như thế nào? Việc đánh thuế suất lũy tiến thể hiện nguyên tắc nào trong thu thuế? (Cô Lan)

- Tính công bằng trong xây dựng hệ thống thuế hiện đại:

+ Theo chiều ngang: Chủ thể có điều kiện, thu nhập như nhau chịu mức thuế như nhau

+ Theo chiều dọc: Chủ thể có điều kiện, thu nhập cao hơn chịu mức thuế cao hơn. Người không có điều kiện thì không phải nộp thuế hoặc được trợ cấp

- Thuế suất lũy tiến từng phần thể hiện tính công bằng theo chiều dọc

VD: Thuế thu nhập cá nhân là thuế lũy tiến từng phần. Thu nhập càng cao thì mức thuế càng cao.

### 7. Sự giống và khác của thuế, lệ phí, phí (Cô Lan)

- Giống nhau:

+ Đều là nguồn thu của NSNN

+ Đều mang tính pháp lý

+ Đều được điều chỉnh bằng tiền tệ

Tiêu chí	Thuế	Phí, lệ phí
Giá trị pháp lý	Thuế có giá trị pháp lý cao, được ban hành dưới dạng văn bản như luật, pháp lệnh được Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, tuân theo trình tự chặt chẽ	Ban hành dưới dạng nghị định, quyết định của chính phủ, quyết định của Bộ, hội đồng nhân dân cấp tỉnh,...
Tác dụng	Khoản thu chủ yếu của NSNN Công cụ để nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế Công cụ hữu hiệu để thực hiện công bằng xã hội Công cụ để nhà nước kiểm soát các hoạt động kinh tế.	- Khoản thu phụ của NSNN - Bù đắp chi phí cho các công trình công cộng
Tên gọi, mục đích	Mỗi luật thuế đều phản ánh một mục đích riêng tuy nhiên sắc thuế lại hướng đến một đối tượng cụ thể	Mục đích của từng loại phí, lệ phí rất rõ ràng, phù hợp với tên gọi của nó.
Tính bắt buộc, phạm vi	Mang tính bắt buộc với mọi đối tượng, phạm vi không giới hạn	Chỉ bắt buộc khi đối tượng sử dụng cơ sở, dịch vụ do nhà nước cung cấp, phạm vi mang tính địa bàn cụ thể
Tính đối giá	Không mang tính đối giá và hoàn trả trực tiếp	Mang tính đối giá và hoàn trả trực tiếp

## III. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 8. Các khoản chi và các nhân tố ảnh hưởng đến chi NSNN

- Các khoản chi NSNN:

Theo mục đích chi tiêu, NSNN bao gồm:

+ Chi tích lũy

+ Chi tiêu dùng.

Theo yếu tố và phương thức quản lý, chi NSNN bao gồm:

+ Chi thường xuyên

+ chi đầu tư phát triển

- + Chi trả nợ và viện trợ
- + Chi dự trữ
- Các nhân tố ảnh hưởng chi NSNN
- + Sự phát triển của lực lượng sản xuất.
- + Khả năng tích lũy của nền kinh tế.
- + Mô hình tổ chức bộ máy của Nhà nước, và những nhiệm vụ KT-XH của Nhà nước trong từng thời kỳ.
- + Các nhân tố khác như biến động kinh tế, chính trị, xã hội, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

**9. Tại sao các tài sản dịch vụ công cộng được cung ứng chủ yếu bởi nhà nước? Các doanh nghiệp tư nhân cung cấp các tài sản dịch vụ công cộng nào?**

Các tài sản dịch vụ công cộng được cung ứng chủ yếu bởi nhà nước vì đây là chức năng quan trọng của nhà nước đối với xã hội, đảm bảo tính hiệu quả trong cung ứng và công bằng trong thụ hưởng dịch vụ công. Mặt khác các tài sản dịch vụ công được cung ứng yêu cầu một nguồn lực tài chính quan trọng nên chỉ có nhà nước mới có thể dùng quyền lực và phạm vi ảnh hưởng để huy động thông qua các biện pháp thu thuế, phí, lệ phí, vay nợ mà không cần thế chấp. Khu vực tư nhân khó tham gia cung ứng dịch vụ công vì họ không có trong tay chế tài như nhà nước cộng thêm tác động của hiện tượng free-rider

Các doanh nghiệp tư nhân có thể cung cấp những tài sản dịch vụ công cộng quy mô nhỏ, không tác động diện rộng và ít mang tính xã hội hóa như truyền hình cáp, mạng di động, xây 1 con đường nhỏ qua làng, xã,...

#### IV. CÁN CÂN NGAN SÁCH NHÀ NƯỚC

**10. Có ý kiến cho rằng trong nền kinh tế mở thâm hụt NSNN tạo ra thâm hụt kép. Nói rõ thâm hụt kép là gì. Ý kiến này đúng hay sai. Tại sao. Chính phủ nên vay nợ hay tăng thuế để bù đắp thâm hụt NSNN. Tại sao? (Cô Lan)**

Ý kiến này đúng.

Thâm hụt kép bao gồm thâm hụt ngân sách nhà nước và thâm hụt cán cân thanh toán

Thâm hụt NSNN => Chính phủ phát hành trái phiếu vay nợ => Cầu tín dụng tăng => r tăng => Ngoại tệ từ bên ngoài vào => Thâm hụt cán cân thanh toán

(Ngoại tệ từ bên ngoài vào => nội tệ lên giá, ngoại tệ mất giá => tăng nhập khẩu, giảm xuất khẩu => thâm hụt các cân thương mại)

Mỗi biện pháp vay nợ hay tăng thuế lại có những ưu, nhược điểm khác nhau, tùy thuộc vào tình hình kinh tế mới có thể đưa ra quyết định

Nếu tăng thuế có thể dẫn đến các hậu quả như giảm đầu tư tư nhân, trốn thuế, chuyển giá. Cần so sánh mức thuế trên thế giới để tránh hiện tượng thâm hụt cán cân thanh toán

Nếu vay nợ trong nước sẽ làm cầu tín dụng tăng => r tăng => Giảm đầu tư tư nhân, thâm hụt cán cân thanh toán => thâm hụt kép

Nếu vay nợ nước ngoài có thể phải chịu mức chi phí định mức tín nhiệm, phí bảo lãnh phát hành lớn, áp lực trả nợ lớn, chịu nhiều bất ổn về kinh tế thế giới,...

=> Quyết định vay nợ hay tăng thuế còn phụ thuộc vào tình hình kinh tế, xã hội

**11. Thâm hụt NSNN là gì? Cách tính thâm hụt của VN có gì khác so với IMF? Cách tính nào hợp lý hơn? (Cô Lan + Cô Hồng)**

Thâm hụt NSNN = Tổng chi – Tổng thu

Cách tính thâm hụt NSNN của VN khác IMF ở cách tính Tổng chi ngân sách

IMF:

- + Tính khoản chi trừ trái phiếu chính phủ trả nợ vay, trả lãi vay, không bao gồm lãi gốc
- + Tính cả chi phí để huy động vốn vay

VN:

- + Tính cả gốc lẫn lãi
- + Không tính chi phí huy động vốn vay

=> Cách tính IMF đúng bản chất thâm hụt NSNN hơn

**12. Tại sao nợ công ở những nước phát triển lại lớn hơn những nước đang phát triển?**

- Nguyên nhân trực tiếp:
- + Các nước phát triển dễ phát hành trái phiếu với lãi suất thấp để vay dân chúng hoặc vay nước ngoài vì được đánh giá hạn mức tín nhiệm cao hơn so với các nước đang phát triển
- + Các nước phát triển do quy mô nền kinh tế lớn nên các gói kích cầu sau khủng hoảng cũng làm nợ công tăng

- Nguyên nhân gián tiếp
- + Chi ngân sách cho phúc lợi xã hội, dịch vụ công cộng lớn
- + Dân số già hóa làm giảm thu ngân sách nhưng lại tăng chi ngân sách
- + Chi ngân sách lớn nên cần thu thuế nhiều để dẫn đến hiện tượng trốn thuế

## CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

### I. TỔNG QUAN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

#### 1. Đặc điểm và vai trò của tài chính doanh nghiệp?

- Đặc điểm:
  - + TCDN gắn liền với các HĐ SX-KD của DN.
  - + TCDN gắn liền với hình thức sở hữu DN
  - + Mọi sự vận động của các nguồn TC trong DN đều nhằm đạt tới MT kinh doanh của DN là tối đa hoá lợi nhuận.
- Vai trò:
  - + Đảm bảo huy động đầy đủ và kịp thời vốn cho hoạt động của DN.
  - + Góp phần nâng cao hiệu quả KD của DN
  - + Giám sát kiểm tra chặt chẽ hoạt động SX-KD của DN.

### II. TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

#### 2. Trình bày các loại tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp?

- \* Các loại tài sản
  - Tài sản ngắn hạn
    - + Tiền mặt và các khoản tương đương tiền
    - + Nguyên vật liệu và bán thành phẩm
    - + Thành phẩm và Hàng tồn kho
    - + Các khoản phải thu ngắn hạn
    - + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn
  - Tài sản dài hạn
    - + Các khoản phải thu dài hạn
    - + Tài sản cố định
    - + Bất động sản đầu tư
    - + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
    - + Các tài sản dài hạn khác
- \* Các loại nguồn vốn
  - Nguồn vốn chủ sở hữu
    - + Nguồn vốn từ sự đóng góp của chủ sở hữu
    - + Các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản
    - + Cổ phiếu quỹ
    - + Lợi nhuận chưa được phân phối
  - Nợ phải trả
    - + Nợ phải trả ngắn hạn
    - + Nợ phải trả dài hạn

#### 3. Tính thanh khoản trong doanh nghiệp là gì? Vai trò quản lý thanh khoản của doanh nghiệp?

Tính thanh khoản (tính lỏng) là khả năng thanh toán những hóa đơn đáo hạn hoặc được thanh toán những hóa đơn đáo hạn bằng tiền mặt. Quản lý tính thanh khoản của doanh nghiệp có vai trò:

- + Đảm bảo cho công ty tiếp tục hoạt động
- + Cơ sở cho các dự án đầu tư của công ty
- + Tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu chi phí

#### 4. Nên huy động vốn bằng cổ phiếu hay trái phiếu? Nêu ưu, nhược điểm (Cô Hồng)

2 hình thức chính để tài trợ tài sản cho doanh nghiệp là Vốn chủ sở hữu và Nợ phải trả

##### \* Vốn chủ sở hữu (Cổ phiếu)

- Ưu điểm:
  - + Chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư
  - + Không chịu áp lực trả nợ
  - + An toàn trong kinh doanh, giảm thiểu rủi ro của việc sử dụng vốn, rủi ro vỡ nợ
- Nhược điểm:
  - + Không được hạch toán vào chi phí nên không được hưởng lá chắn thuế

- + Hiệu quả sử dụng không cao do không chịu áp lực trả nợ
- + Phát hành cổ phiếu phải chia sẻ quyền sở hữu công ty
- \* Nợ phải trả (Trái phiếu)
  - Ưu điểm
    - + Được hạch toán vào chi phí nên được hưởng lá chắn thuế
    - + Hiệu quả sử dụng cao do chịu áp lực trả nợ
    - + Không phải chia sẻ quyền sở hữu công ty
  - Nhược điểm:
    - + Không chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư
    - + Chịu áp lực trả nợ
    - + Mất uy tín nếu vay nợ quá nhiều, tăng rủi ro vỡ nợ

**5. Phân tích chi phí, và lợi ích của việc huy động vốn kinh doanh bằng phát hành chứng khoán nợ. Đặt tình huống trong doanh nghiệp vừa và nhỏ, để đầu tư mua tài sản cố định, nên vay trung - dài hạn ngân hàng hay sử dụng tài chính thuê mua? (Cô Lan)**

Chi phí và lợi ích của việc huy động vốn kinh doanh bằng phát hành chứng khoán nợ: (tương tự câu 4)  
 Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới ra đời không có đủ tài sản đảm bảo cũng như uy tín thì việc tiếp cận nguồn vốn vay trung – dài hạn ngân hàng rất khó khăn. Trong những trường hợp như vậy, đi thuê tài chính có thể là một giải pháp tối ưu.

### III. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA DOANH NGHIỆP

#### 6. Phân biệt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất	Giá thành sản phẩm
Tính cho 1 kỳ	Tính cho 1 sản phẩm hoàn thành
Chi phí sản xuất bằng giá thành sản phẩm khi chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ không tồn tại hoặc chênh lệch giữa chúng bằng 0	Tính bằng chi phí sản xuất + chênh lệch chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

**7. Ý nghĩa của ROE? Trong quản trị doanh nghiệp, nên dùng EBIT hay lợi nhuận ròng để tính ROE? Yêu cầu tối thiểu của ROE của nhà đầu tư là gì? Tại sao nhiều doanh nghiệp có ROA thấp nhưng ROE vẫn cao? (Cô Lan + Cô Hồng + Cô Hà Thanh)**

Tỷ suất lợi nhuận thuần trên vốn chủ sở hữu (Return on Equity - ROE), là tỷ số quan trọng nhất đối với các cổ đông, tỷ số này đo lường khả năng sinh lợi trên mỗi đồng vốn của cổ đông thường.

Nên dùng lợi nhuận ròng vì lợi nhuận ròng đã trừ đi thuế lãi vay và thuế còn lại phần lợi nhuận phần lớn dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

Yêu cầu tối thiểu của nhà đầu tư đối với ROE là lớn hơn lãi suất thị trường để đảm bảo sinh lời sau khi chi trả lãi vay (nếu nhà đầu tư vay tiền để đầu tư) hoặc đảm bảo lớn hơn chi phí cơ hội nếu gửi tiền vào ngân hàng.

Phân tích Dupont:

$$\begin{aligned}
 ROE &= \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tài sản}} \times \frac{\text{Tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \\
 &= ROA \times \frac{\text{Tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu} + \text{Nợ phải trả}} \\
 &= ROA \times \left( 1 + \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \right)
 \end{aligned}$$

ROA thấp nhưng ROE cao do doanh nghiệp tăng mức vay nợ, làm tăng đòn cân nợ

**8. Mục đích của việc sử dụng đòn bẩy tài chính? (Cô Lan)**

- Tăng thêm nguồn tài trợ tài sản cho doanh nghiệp bằng cách vay nợ
- Không muốn chia sẻ quyền sở hữu công ty
- Hưởng lá chắn thuế do được hạch toán vào chi phí
- Làm tăng tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu

**9. Bản chất của ROA. Tính ROA nên dùng lợi nhuận ròng hay EBIT. (Cô Lan + Cô Hồng + Cô Hà Thanh)**

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (Return on Assets - ROA) phản ánh khả năng sinh lợi trên mỗi đồng tài sản của doanh nghiệp.

Nên dùng EBIT để tính ROA vì nó phản ánh chân thực hơn tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vì nó chưa trừ đi lãi vay và thuế (các doanh nghiệp lợi nhuận cao sẽ chịu mức thuế cao)

**10. Chỉ ra những hạn chế chủ yếu của phương pháp phân tích điểm hòa vốn. Có tồn tại điểm hòa vốn cho mọi mức sản lượng không? Giải thích? (Cô Lan)**

(Doanh thu = Chi phí (Định phí + Biến phí))



- Giá bán và biến phí đơn vị không đổi không sát với thực tế
  - Thực tế rất khó phân biệt rạch ròi biến phí và định phí
  - Chỉ được thực hiện trong trường hợp nhu cầu thị trường là không đổi
  - Chỉ áp dụng khi sản lượng tiêu thụ và sản lượng sản xuất bằng nhau là không thực tế
- \* Không vì điểm hòa vốn chỉ tồn tại tại mức sản lượng mà doanh thu bằng chi phí. Ngoài ra trong trường hợp doanh thu luôn lớn hơn hoặc nhỏ hơn chi phí thì không tồn tại mức sản lượng cân bằng.

## 11. Phân tích các chỉ số trong Báo cáo tài chính 2010

TÀI SẢN (Asset)	2009	2010	NGUỒN VỐN	2009	2010
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.112</b>	<b>1.403</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>836</b>	<b>843</b>
- Tiền và tương đương	104	160	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>428</b>	<b>389</b>
- Đầu tư TC ngắn hạn	0	0	- Vay nợ ngắn hạn	232	266
- Các khoản phải thu	455	688	- Phải trả người bán	196	123
- Hàng tồn kho	553	555	- Nợ ngắn hạn khác	0	0
- TS ngắn hạn khác	0	0	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>408</b>	<b>454</b>
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>1.644</b>	<b>1.709</b>	<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.920</b>	<b>2.269</b>
- Nhà xưởng thiết bị ròng	1.340	1.409	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn cổ phiếu thường)	500	540
- Tài sản cố định vô hình	204	200	- Thặng dư vốn cổ phần	100	100
- Chi phí x. dựng cơ bản	100	100	- Thu nhập giữ lại	1.320	1.629
- TS cố định khác	0	0			
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.756</b>	<b>3.112</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.756</b>	<b>3.112</b>

### Báo cáo KQKD 2010 của công ty P.D.U

Đơn vị: Tỷ VND

Doanh thu thuần	1,509
Chi phí hàng bán (chưa tính Khấu hao)	750
Khấu hao	65
Thu nhập trước lãi vay và thuế (EBIT)	694
Trả lãi tiền vay	70
Thu nhập trước thuế (Thu nhập chịu thuế)	624
Thuế TN doanh nghiệp (34%)	212
Thu nhập sau thuế (thu nhập ròng)	412
Chia cổ tức (25%)	103
Thu nhập giữ lại (75%)	309

### Khả năng thanh toán ngắn hạn:

$$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}} = \frac{1403}{389} = 3,607$$

### Khả năng thanh toán nhanh:

$$\frac{\text{Tiền + Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}} = \frac{160}{389} = 0,411$$

### Chỉ số vòng quay hàng tồn kho:

$$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân kỳ}} = \frac{750}{555} = 1,351$$

### Kỳ thu tiền bình quân:

$$\frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Doanh thu bình quân ngày}} = \frac{688}{1509/365} = 166,4$$

### Chỉ số vòng quay tổng tài sản:

$$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân kỳ}} = \frac{1509}{3112} = 0,485$$

### Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)

$$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu thuần}} = \frac{412}{1509} = 0,273$$

### Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)

$$\frac{\text{EBIT}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{624}{3112} = 0,201$$

### Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{412}{2269} = 0,182$$

## Bài tập tương tự

### Bảng cân đối TS của công ty TONY ( đơn vị tỷ đồng)

Tài sản	20X2	20X1	Nguồn vốn	20X2	20X1
Tiền mặt	10	15	Phải trả NCC	60	30
Đầu tư NH	0	65	Nợ ngắn hạn NH	110	60
Khoản phải thu	375	315	Phải trả khác	140	130
Tồn kho	615	415	Tổng nợ NH phải trả	310	220
Tổng TS lưu động	1000	810	Nợ dài hạn	754	580
TS cố định ròng	1000	870	Tổng nợ phải trả	1064	800
			Cổ phiếu ưu đãi	40	40
			CP thường	130	130
			Lợi nhuận giữ lại	766	710
			Tổng VCSH	936	880
<b>Tổng TS</b>	<b>2000</b>	<b>1680</b>		<b>2000</b>	<b>1680</b>

Trong năm công ty có doanh thu ròng là 3000 tỷ chi phí hoạt động chưa kể khấu hao là 2616,2 tỷ, khấu hao TS là 100 tỷ, chi phí lãi vay là 88 tỷ. thuế TNDN là 40%

Tính:

A. Tỷ số thanh khoản hiện thời, tỷ số thanh khoản nhanh, tỷ lệ hoàn trả lãi, tỷ số D/E

B. vòng quay hàng tồn kho, vòng quay TSCĐ, vòng quay vốn, vòng quay khoản phải thu, vòng quay khoản phải trả, chu kỳ tiền mặt của D

C. ROA, ROE, NPM

(Cô Hồng)